

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 29 – 8 – 2022
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Phương Xa
2. Bà Nguyễn Thị Như Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TL.ST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-DS, ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phạm Văn B – sinh năm 1950 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp 3, xã VT, huyện VT, tỉnh H;

Bị đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TL, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022 nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Ngày 20/9/2019, tôi có cho bà Đặng Thị D mượn số tiền 4.000.000đồng. Đến ngày 01/10/2019 bà D tiếp tục mượn tôi số tiền 10.000.000đồng. Qua hai lần

mượn tiền tổng cộng 14.000.000đồng. Sau đó tôi có khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy đã tuyên xử buộc bà D trả cho tôi số tiền 14.000.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/10/2021 tôi đã rút lại yêu cầu khởi kiện và bà D cũng rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án để tôi và bà D tự thỏa thuận về việc trả nợ. Nhưng sau đó bà D không trả nợ cho tôi như thỏa thuận. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả nợ cho tôi số tiền 14.000.000đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng chưa ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn B khởi kiện bà Đặng Thị D yêu cầu trả số tiền nợ gốc đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đặng Thị D.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị D trả số tiền nợ gốc 14.000đồng. Nộp kèm theo chứng cứ là 02 tờ “*Giấy mượn tiền ngày 20/9/2019*” với số tiền 4.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng. Không có thỏa thuận lãi suất và Giấy mượn tiền lập ngày 01/10/2019 với số tiền 10.000.000đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 15 ngày, có chữ ký ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị D.

[3] Quá trình tố tụng bị đơn bà Đặng Thị D vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà D nhận giấy nhưng cố ý vắng mặt. Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Căn cứ Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 đối với bà Đặng Thị D, Bản tường trình lập ngày 27/5/2021; lời trình bày ý kiến của bà D tại Biên bản hòa giải ngày 07/12/2020 và tại Biên bản phiên tòa ngày 29/4/2011. Bà D thừa nhận nợ chỉ 4.000.000đồng. Đối với số tiền 10.000.000đồng bà D thừa nhận có vay tiền, nhưng bà D đã thanh toán xong cho

ông B. Tuy nhiên, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Đối với chữ ký trong 02 tờ Giấy mượn tiền ông B cung cấp bà D thừa nhận đây là chữ ký do bà D ký. Đối với bà Phạm Thị Thu Thúy có ký tên trong tờ Giấy mượn tiền lập ngày 20/9/2019 với tư cách người làm chứng. Căn cứ biên bản lấy lời khai bà Thúy lập ngày 16/3/2021 thì bà Thúy không chứng kiến trực tiếp việc thỏa thuận vay tiền và giao tiền giữa ông B và bà D, cũng không chứng kiến việc trả tiền giữa bà D và ông B. Từ đó, căn cứ chứng minh bà Đặng Thị D có vay của ông Phạm Văn B tổng số tiền 14.000.000đồng. Ông B thừa nhận bà D đã cho ông tổng số tiền 550.000đồng (trong đó: Bà D có cho ông 400.000đồng và ông B mua thịt heo của bà D không lấy tiền với số tiền 150.000đồng). Trước đây ông B có trình bày ý kiến khấu trừ số tiền này vào tiền gốc cho bà D. Nhưng do bà Dày không thực hiện đúng thỏa thuận, thời gian từ năm 2020 cho đến nay không trả nợ gốc. Tại phiên tòa, ông B không đồng ý khấu trừ số tiền này. Do đó, bà D phải có trách nhiệm trả cho ông B số tiền nợ gốc là 14.000.000đồng. Ông B không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Đặng Thị D phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền 14.000.000đồng x 5% = 700.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn B.

Buộc bà Đặng Thị D có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn B số tiền 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn ông Phạm Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Đặng Thị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đặng Thị D phải nộp số tiền 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Diệu

